TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2019/DSST
Ngày 09 tháng 8 năm 2019
V/v: Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị An**

2. Bà **Đỗ Thị Hằng Huệ**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Lan Hương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Bách Thiện Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2019/TLST - DS ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc "tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **179**/2019/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: **85**/2019/QĐST-HPT ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Chí T,** sinh năm 1960, Nơi cư trú: Số 6 ngách 101/26 T, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Tăng Ngọc Q**, sinh năm 1988, theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 1430.2019/HĐUQ ngày 27/5/2019. (Anh Q có mặt, ông T vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm 1952, Nơi cư trú: Số 118 S, phường K, quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Quốc T** theo Giấy ủy quyền số chứng thực: 01044.2019/CCHH/CK ngày 06/8/2019 (Ông Đ, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, biên bản đối chất, nguyên đơn trình bày:

Ông Dương Chí T và ông Dương Văn Đ là bạn bè xã hội cùng làm ăn chung với nhau, buôn bán sửa chữa garage ô tô từ những năm trước năm 2010. Ngày 16/3/2013, ông Đ có vay ông T số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Khi vay ông Đ có viết giấy vay tiền và cam kết khi nào ông T cần thì sẽ hoàn trả số tiền đã vay. Đến tháng 10 năm 2015, ông T có nhu cầu cần sử dụng tiền nên đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả lại số tiền đã vay cho mình. Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ, ông Đ mới chỉ trả lại cho ông T số tiền là 300.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 700.000.000 đồng.

Từ đó, ông Đ luôn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và hứa bán căn nhà tại số 118 phố S, phường K, quận B, thành phố Hà Nội để trả nợ nhưng không thực hiện.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân quận B giải quyết buộc ông Dương Văn Đ trả lại ông T số tiền là 700.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Dương Văn Đ trình bày: Ông Đ không có yêu cầu phản tố. Ông và ông T là bạn bè xã hội cùng làm ăn chung với nhau, buôn bán sửa chữa garage ô tô từ những năm trước năm 2010. Ông Đ xác nhận ông là người trực tiếp, tự nguyện, không bị ép buộc khi viết "Giấy vay tiền" ngày 16/3/2013 đối với ông T số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên mấu chốt của vấn đề là hai bên cùng làm ăn nên cho người ngoài vay tiền, ông T có nói với ông Đ cứ viết giấy vay này để cho vợ ông T yên tâm.

Năm 2015, ông T có nhu cầu sử dụng tiền nên ông Đ đã đi vay mượn và trả cho ông T số tiền 300.000.000 đồng. Ông Đ không yêu cầu ông T hủy giấy vay tiền này vì hai bên tin nhau. Lý do ông Đ chưa hoàn thành việc trả nợ cho ông T là vì làm ăn khó khăn, ông Đ có cho người khác vay tiền nhưng họ chưa trả tiền cho ông Đ nên ông chưa có tiền trả nợ cho ông T.

Ông Đ nhất trí với biên bản hòa giải thành ngày 07/6/2019 tuy nhiên ông không đồng ý đến ngày 30/9/2019 ông Đ sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ ông T là 700.000.000 đồng. Ông Đ đề nghị phương án trả nợ ông T hàng tháng, mỗi tháng trả 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng do ông kinh doanh khó khăn. Trong thời gian trả nợ nếu ông Đ đòi được tiền từ những người vay tiền ông thì sẽ trả cho ông T thêm.

Tại phiên tòa ông Đ khẳng định ông vẫn có trách nhiệm trả 700.000.000 đồng đối với ông T nhưng đây không phải là vay nợ mà là số tiền hai ông góp vốn làm ăn chung. Ông Đ đưa ra hai phương án trả nợ như sau: do ông và ông T cùng góp vốn làm ăn nên mỗi người phải chịu ½ trách nhiệm, vì vậy với số tiền 1.000.000.000 đồng thì mỗi ông phải chịu trách nhiệm 500.000.000 đồng, ông Đ đã trả cho ông T 300.000.000 đồng trước đó nên nếu ông T đồng ý nhận số tiền

200.000.000 đồng còn lại thì ông Đ sẽ trả hết luôn 200.000.000 đồng. Nếu ông T vẫn đòi 700.000.000 đồng thì ông sẽ trả trước 30.000.000 đồng và mỗi tháng sẽ trả cho ông T từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng do ông hiện tại kinh doanh khó khăn. Ngoài ra ông Đ sẽ có trách nhiệm đi đôn đốc những người đang còn nợ hai ông tiền, nếu có người trả thì ông sẽ ưu tiên trả cho ông T trước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Giữa ông T và ông Đ không có sự vay tiền, giấy vay tiền ngày 16/3/2013 ông Đ viết theo đề nghị của ông T, trong lúc ngồi uống bia với ông T tại quán bia, để ông T về nói với vợ ông T. Giấy vay tiền này chỉ đúng về mặt hình thức, không đúng về nội dung, nếu có sự vay tiền thật thì phải có giao nhận tiền. Giấy vay tiền viết từ 16/3/2013 đến 24/10/2018 ông T mới khởi kiện ra Tòa án như vậy đã hết thời hiệu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, khi tranh luận tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý với hai phương án thanh toán và giao nhận tiền mà bị đơn đưa ra.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tống đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã tống đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục tố tụng.

+ Căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự nhận thấy: Việc ông Đ viết giấy vay số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông T là hoàn toàn tự nguyện, hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao dịch, mục Đ và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không có sự ép buộc hay nhầm lẫn, lừa dối khi tham gia giao dịch. Bản thân ông Đ cũng thừa nhận có trách nhiệm trả số tiền 700.000.000 đồng cho ông T. Do đó việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Yêu cầu ông Dương Văn Đ trả cho ông Dương Chí T số tiền 700.000.000 đồng.

Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án thụ lý theo đơn khởi kiện của ông Dương Chí T yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Dương Văn Đ trả số tiền vay 700.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 16/3/2013. Hội đồng xét xử xác định là quan hệ "Tranh chấp đòi tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận B, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

[2] Về nội dung: Ông Dương Chí T và ông Dương Văn Đ là bạn bè xã hội cùng làm ăn chung với nhau, buôn bán sửa chữa garage ô tô từ những năm trước năm 2010. Ngày 16/3/2013, ông Đ có vay ông T số tiền 1.000.000.000 đồng. Khi vay ông Đ có viết giấy vay tiền và cam kết khi nào ông T cần thì sẽ hoàn trả số tiền đã vay. Đến tháng 10 năm 2015, ông T có nhu cầu cần sử dụng tiền nên đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả lại số tiền đã vay cho mình. Sau nhiều lần yêu cầu trả nợ, ông Đ mới chỉ trả lại cho ông T số tiền là 300.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 700.000.000 đồng. Từ đó đến nay ông Đ vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho ông T. Vì vậy ông Dương Chí T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân quận B giải quyết buộc ông Dương Văn Đ trả lại ông T số tiền là 700.000.000 đồng.

[3] Tại biên bản đối chất và các biên bản hòa giải tại Tòa án ông Đ đều trình bày ông tự nguyện, không bị ép buộc khi viết giấy vay tiền ngày 16/3/2013 số tiền 1.000.000.000 đồng. Năm 2015, ông Đ đã trả 300.000.000 đồng và đến nay còn nợ 700.000.000 đồng. Tuy nhiên ông Đ trình bày mấu chốt của vấn đề là hai bên cùng góp vốn làm ăn cho người ngoài vay tiền, ông T có nói với ông Đ cứ viết giấy vay này để cho vợ ông T yên tâm. Ông Đ thừa nhận sẽ có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 700.000.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Ngày 16/3/2019 ông Dương Văn Đ có viết giấy vay tiền số tiền 1.000.000.000 đồng đối với ông T. Giấy vay tiền được ông Đ viết tay và ký tên xác nhận là tự nguyện, hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia giao dịch. Mục Đ và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không có sự ép buộc và nhầm lẫn hay lừa dối khi tham gia giao dịch. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu tuyên buộc ông Đ trả số tiền 700.000.000 đồng là có căn cứ hợp pháp. Tuy nhiên ông Đ khẳng định không được sử dụng khoản tiền vay này, mà do hai bên cùng làm ăn nên cho người ngoài vay tiền, ông T có nói với ông Đ cứ viết giấy vay này để cho vợ ông T yên tâm, nhưng ông Đ không xuất trình được chứng cứ, chứng minh hay người làm chứng cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận. Ông Đ cũng thừa nhận có trách nhiệm trả số tiền 700.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán trả nợ số tiền 700.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Quan điểm trình bày của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

- Quan điểm trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

- Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

- Bị đơn ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

- Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Vì các căn cứ nhận định trên của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 70, khoản 1 Điều 147; Điều 203; 266, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 256, Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện đòi tài sản của ông **Dương Chí T** đối với ông **Dương Văn Đ.**

Buộc ông Dương Văn Đ phải trả nợ ông Dương Chí T số tiền là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là ***21.000.000*** (***Hai mươi mốt triệu***) đồng theo biên lai thu số 5479 ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

- Ông Đ phải chịu ***32.000.000*** (***Ba mươi hai triệu***) đồng án phí sơ thẩm.

3. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thì hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi Cục THA dân sự quận B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Long